BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Công nghệ giáo dục

Khoá học: 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1145/QĐ-ĐHPĐ-ĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Công nghệ giáo dục	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Ngoại ngữ	
Trang thông tin điện tử của Khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-ngoai-ngu	
Tên văn bằng	
Cử nhân	
Mã ngành đào tạo	
7140103	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Công nghệ giáo dục tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ) - Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Kết quả kỳ thi đánh giá tư duy (ĐGTD) của Đại học Bách khoa Hà Nội	

Thời gian và hình thức đào tạo				
Chương trình	**Thời gian đào tạo**	**Hình thức đào tạo**	**Thời gian bắt đầu áp dụng**	**Phương thức đào tạo**
Cử nhân Công nghệ giáo dục	3.5 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thực tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm - Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư	1	0	0	1	
3	Tiến sĩ	10	0	0	10	
4	Thạc sĩ	08	0	0	08	
5	Cử nhân	0	1	0	1	
TỔNG CỘNG		19	1	0	20	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên phân tích nghiệp vụ BA- Business Analyst;
- Chuyên viên quản trị hệ thống quản lý học tập (LMS);
- Chuyên viên thiết kế, phát triển sản phẩm và sáng tạo nội dung học tập đa phương tiện (video, sách điện tử, mô phỏng, VR, AR, trò chơi giáo dục…);
- Chuyên viên thiết kế và sáng tạo khoá học số (MOOCs, e-learning, blended learning…);
- Chuyên viên phụ trách công tác đào tạo (Learning and Development) trong doanh nghiệp, trường học và các tổ chức.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
Lấy người học làm trung tâm, công nghệ làm phương tiện, thực tiễn làm môi trường, đổi mới sáng tạo làm động lực và học tập suốt đời làm nền tảng. Chương trình hướng tới phát triển người học có khả năng kết nối tri thức giáo dục, công nghệ và thực tiễn để phân tích, thiết kế, triển khai và đánh giá các giải pháp giáo dục trong môi trường số; qua đó tôn trọng sự đa dạng nhận thức, bảo vệ các giá trị nhân bản và đưa công nghệ trở thành nhịp cầu kết nối văn hóa - xã hội.

4b. Mục tiêu của CTĐT

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ giáo dục hướng đến việc hình thành đội ngũ cử nhân có kiến thức toàn diện về khoa học giáo dục, công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu và công nghệ số trong giáo dục. Người học được trang bị nền tảng lý luận giáo dục hiện đại, hiểu biết về thiết kế dạy học, tâm lý học giáo dục, quản lý giáo dục cùng với các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, học liệu số, hệ thống quản lý học tập (LMS), phân tích học tập và chuyển đổi số trong giáo dục. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng phân tích nhu cầu đào tạo, thiết kế, phát triển, triển khai và đánh giá các giải pháp công nghệ phục vụ dạy học và quản lý giáo dục trong các bối cảnh khác nhau.

Bên cạnh kiến thức chuyên sâu, chương trình chú trọng phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ giáo dục, bao gồm: thiết kế học liệu số và môi trường học tập trực tuyến; xây dựng và quản trị hệ thống đào tạo số; phát triển nội dung e-learning, blended learning; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong hỗ trợ dạy học và đánh giá. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy thiết kế (design thinking), tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp và làm việc nhóm trong môi trường liên ngành giữa giáo dục – công nghệ – quản lý.

Ngoài ra, chương trình hướng đến việc hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm xã hội và năng lực tự học suốt đời trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhận các vị trí như chuyên viên thiết kế học tập, chuyên viên phát triển học liệu số, chuyên viên quản trị hệ thống đào tạo, tư vấn giải pháp công nghệ giáo dục, hoặc tham gia nghiên cứu và khởi nghiệp trong lĩnh vực EdTech, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường trong nước và quốc tế.

4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức:	
PLO 1	Áp dụng được các kiến thức về Lý luận chính trị, Pháp luật, Toán, Khoa học xã hội - nhân văn cùng các kiến thức về năng lực số và chuẩn dữ liệu có trách nhiệm trong công nghệ giáo dục.
PLO 2	Áp dụng được các giải pháp và mô hình ứng dụng công nghệ trong giáo dục dựa trên kiến thức nền tảng liên ngành.
PLO 3	Vận dụng được kiến thức chuyên ngành sâu để xử lý nghiệp vụ trong bối cảnh công việc thực tế.
PLO 4	Sử dụng hiệu quả công nghệ số (bao gồm các ứng dụng trí tuệ nhân tạo), kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ trong vai trò thành viên hoặc lãnh đạo trong các bối cảnh học tập, xã hội và nghề nghiệp.
Kỹ năng:	
PLO 5	Xây dựng được quy trình, phương pháp và công cụ để thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghệ giáo dục.
PLO 6	Lựa chọn được phương án xử lý phù hợp từ các giải pháp có sẵn trong lĩnh vực công nghệ giáo dục.

PLO 7	Sử dụng được công nghệ số (bao gồm các ứng dụng trí tuệ nhân tạo) và kỹ năng ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.
PLO 8	Vận dụng được tư duy phản biện, tư duy thiết kế và đổi mới sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	Thực hiện tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực giáo dục và công nghệ.
PLO 10	Hình thành được định hướng học tập suốt đời và thích ứng với môi trường nghề nghiệp.

4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

  + Trong nước: Đại học Bách Khoa Hà Nội; Trường Đại học Giáo dục – ĐHQG Hà Nội; Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQG TP.HCM; Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn; Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

  + Nước ngoài: University of Florida, Mỹ

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 132 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).

2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	TED721001	Nhập môn Công nghệ giáo dục	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
2	1	ITE710001	Kỹ năng số	2	60	0	60	0	0	BB	Không		
3	1	TED721004	Kỹ năng học tập đại học	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
4	1	FOS710001	Anh văn 1	3	60	30	30	0	0	BB	Không		
5	2	FOS710002	Anh văn 2	3	60	30	30	0	0	BB	FOS710001		
6	2	ITE710003	Cơ sở lập trình	2	45	15	30	0	0	BB	ITE710001		
7	2	TED721003	Phương pháp nghiên cứu k hoa học trong giáo dục	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
8	2	MAT720002	Toán rời rạc ứng dụng trong Công nghệ giáo dục	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
9	2	ITE710002	Khám phá AI	2	60	0	60	0	0	BB	ITE710001		
10	3	FOS710003	Anh văn 3	3	60	30	30	0	0	BB	FOS710002		
11	3	POL710001	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
12	3	ITE731033	Lập trình hướng đối tượng	3	75	15	60	0	0	BB	Không		ITE710001
13	3	ITE720006	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	75	15	60	0	0	BB	Không		ITE710001

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
14	3	ITE720002	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	3	75	15	60	0	0	BB	Không		ITE710001
15	4	BUS723005	Khai thác và phân tích dữ liệu	3	75	15	60	0	0	BB	Không		
16	4	POL710002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	45	45	0	0	0	BB	POL710001		
17	4	ITE720004	Cơ sở dữ liệu	3	75	15	60	0	0	BB	Không		
18	4	ITE731037	Thiết kế và phát triển E-learning	3	75	15	60	0	0	BB	Không		
19	4	FOS710004	Anh văn 4	3	60	30	30	0	0	BB	FOS710003		
20	5	TED721005	Môi trường dạy học số và cá nhân hóa	3	75	15	60	0	0	BB	TED721001		
21	5	TED721009	Phân tích thiết kế hệ thống giáo dục	3	45	45	0	0	0	BB	TED721001		
22	5	TED721002	Tâm lý học giáo dục	3	45	45	0	0	0	BB	TED721001		
23	5	POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	45	45	0	0	0	BB	POL710002		
24	6	FOS710005	Anh văn 5	3	60	30	30	0	0	BB	FOS710004		
25	6	TED741001	Kiến tập	2						BB			
26	6	TED721014	Công nghệ dạy học hiện đại	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
27	6	POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	45	45	0	0	0	BB	POL710003		
28	6	TED721011	Thiết kế dạy học và truyền thông số	3	75	15	60	0	0	BB	Không		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
29	7	TED721010	Thiết kế trò chơi và Gamification trong giáo dục	3	75	15	60	0	0	BB	Không		
30	7	POL710005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	45	45	0	0	0	BB	Không		
31	7	TED711001	Tư duy sáng tạo và Khởi nghiệp EdTech	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
32	7	TED721007	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
33	7	TED721013	Quản trị và Tổ chức hoạt động giáo dục	3	45	45	0	0	0	TC	Không		
34	7	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	45	45	0	0	0	BB	POL710001		
35	7	ITE731009	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng	3	75	15	60	0	0	TC	Không		
36	7	ITE731034	Công cụ quản lý dự án	3	75	15	60	0	0	TC	Không		
37	8	TED721012	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	3	45	45	0	0	0	BB	ITE710002		
38	8	TED721008	Phát triển ứng dụng Web, Apps trong giáo dục	3	75	15	60	0	0	BB	Không		
39	8	TED721006	Thiết kế và phát triển chương trình đào tạo số	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
40	8	ITE731003	Quản lý dự án phần mềm	3	90	45	45	0	0	BB	Không		
41	8	ITE731036	Phân tích, đánh giá hiệu năng hệ thống	3	90	45	45	0	0	BB	Không		
Kiến thức chuyên ngành thứ 1: Giáo dục thông minh và sư phạm số													

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
42	9	TED731001	Quản lý và ứng dụng công cụ số trong lớp học	4	60	60	0	0	0	BB	Không		
43	9	TED731002	Giáo dục thông minh	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
44	9	TED731003	Truyền thông và tương tác trong giáo dục	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
Kiến thức chuyên ngành thứ 2: Phát triển sản phẩm Công nghệ giáo dục													
45	9	TED731004	Phát triển ứng dụng và giải pháp EdTech	4	90	30	60	0	0	BB	Không		
46	9	TED731005	Truyền thông và quản lý ICT tích hợp	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
47	9	TED731006	Dự án Thực tế ảo (VR/AR) và đồ họa	3	75	15	60	0	0	BB	Không		
Kiến thức chuyên ngành thứ 3: Quản trị và vận hành giáo dục số													
48	9	TED731007	Quản trị công nghệ giáo dục	4	60	60	0	0	0	BB	Không		
49	9	TED731008	Giải pháp doanh nghiệp và marketing giáo dục	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
50	9	TED731009	Giám sát và đảm bảo chất lượng giáo dục	3	45	45	0	0	0	BB	Không		
51	10	TED741002	Thực tập	4						BB	TED721003		
52	10	TED751001	Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế	8						BB	TED721003		
Học phần thay thế chuyên ngành thứ 1: Giáo dục thông minh và sư phạm số													

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
53	10	TED771001	Nghiên cứu giáo dục trong hệ sinh th ái số	4	60	60	0	0	0	BB	TED721003		
54	10	TED771002	Dự án: Ứng dụng công nghệ vào giá o dục	4	60		60	0	0	BB	TED721003		
Học phần thay thế chuyên ngành thứ 2: Phát triển sản phẩm Công nghệ giáo dục													
55	10	TED771003	Nghiên cứu và phát triển giải pháp s ố trong giáo dục	4	60	60	0	0	0	BB	TED721003		
56	10	TED771004	Dự án: Thiết kế và phát triển công n ghệ giáo dục	4	60	0	60	0	0	BB	TED721003		
Học phần thay thế chuyên ngành thứ 3: Quản trị và vận hành giáo dục số													
57	10	TED771005	Nghiên cứu hệ thống quản lý giáo dụ c số	4	60	60	0	0	0	BB	TED721003		
58	10	TED771006	Dự án: Phát triển hệ thống giáo dục s ố	4	60		60	0	0	BB	TED721003		

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về triết học Mác – Lênin, bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nội dung tập trung vào các vấn đề về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; các nguyên lý, quy luật và phạm trù cơ bản; lý luận nhận thức; hình thái kinh tế – xã hội; giai cấp, nhà nước, cách mạng xã hội và vai trò của con người trong lịch sử. Thông

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			qua việc nghiên cứu và vận dụng các nguyên lý triết học, người học hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp tư duy biện chứng, khả năng phân tích và lý giải các vấn đề của tự nhiên, xã hội, giáo dục và thực tiễn nghề nghiệp.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về các quan hệ kinh tế và các quy luật chi phối sự vận động của nền kinh tế thị trường. Nội dung bao gồm hàng hóa, tiền tệ và thị trường; giá trị và giá trị thặng dư; tích lũy và tái sản xuất; cạnh tranh, độc quyền và các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Học phần đồng thời giới thiệu những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Qua đó, người học hình thành khả năng nhận diện, phân tích các hiện tượng kinh tế – xã hội và vận dụng kiến thức kinh tế chính trị để lý giải các vấn đề trong học tập, nghề nghiệp và đời sống.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học, bao gồm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ. Nội dung học phần gắn các nguyên lý lý luận với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và thực tiễn đổi mới ở Việt Nam. Qua đó, người học phát triển khả năng phân tích các vấn đề chính trị – xã hội, nhận thức trách nhiệm công dân và vận dụng kiến thức vào việc lý giải các vấn đề của xã hội đương đại.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp kiến thức có hệ thống về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, đại đoàn kết dân tộc, văn hóa, đạo đức và con người. Người học phân tích giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Học phần đồng thời định

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			hướng vận dụng các giá trị tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh vào học tập, rèn luyện, công tác và thực hiện trách nhiệm xã hội.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần cung cấp kiến thức về quá trình ra đời, phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Nội dung tập trung vào các chủ trương, đường lối của Đảng trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, kháng chiến, xây dựng và bảo vệ đất nước, công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Người học được phân tích bối cảnh lịch sử, thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm qua các giai đoạn. Qua đó, học phần góp phần hình thành tư duy lịch sử, khả năng đánh giá các vấn đề chính trị – xã hội và ý thức trách nhiệm đối với sự phát triển của đất nước.
6	Pháp luật đại cương	2	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật Việt Nam, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Nội dung giới thiệu các quy định nền tảng thuộc một số lĩnh vực như hiến pháp, hành chính, dân sự, lao động, hình sự, hôn nhân và gia đình, phòng chống tham nhũng và các vấn đề pháp lý liên quan đến đời sống, học tập và nghề nghiệp. Người học được thực hành nhận diện và phân tích các tình huống pháp lý, xác định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức; qua đó hình thành ý thức tuân thủ pháp luật và hành vi nghề nghiệp có trách nhiệm.
7	Anh văn 1 (AV1)	3	Anh văn 1 (AV1) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A1 theo CEFR (tương đương IELTS 3.0). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi được thông tin cơ bản về bản thân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống, học tập; đồng thời bước đầu hình thành kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Nội dung học phần tập trung vào từ vựng và ngữ pháp cơ bản; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại ngắn; kỹ năng nói – viết

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			trình bày thông tin cá nhân và các hoạt động rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Đây là cơ sở để người học tiếp tục học AV2.
8	Anh văn 2 (AV2)	3	Anh văn 2 (AV2) tiếp nối AV1, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A2 theo CEFR (tương đương IELTS 3.5). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi mạch lạc hơn về các chủ đề quen thuộc liên quan đến trải nghiệm, môi trường và lịch sử; tiếp tục rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Nội dung tập trung vào từ vựng và ngữ pháp trình độ A2; kỹ năng nghe – đọc hiểu; kỹ năng nói – viết mô tả, kể chuyện và trình bày quan điểm đơn giản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để tiếp tục học AV3.
9	Anh văn 3 (AV3)	3	Anh văn 3 (AV3) cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ A2+ theo CEFR (tương đương IELTS 4.0). Học phần giúp người học trình bày, so sánh – đối chiếu và lý giải nguyên nhân – kết quả về các chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày; phát triển kỹ năng diễn đạt quan điểm cá nhân bằng cấu trúc rõ ràng hơn. Nội dung tập trung vào từ vựng và ngữ pháp A2+; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại có độ dài và độ phức tạp tăng dần; kỹ năng nói – viết diễn đạt vấn đề – giải pháp, so sánh – đối chiếu. Đây là cơ sở để người học tiếp tục học AV4.
10	Anh văn 4 (AV4)	3	Anh văn 4 (AV4) cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh đạt trình độ B1 theo CEFR (tương đương IELTS 4.5). Học phần giúp người học phân tích, tóm tắt và trình bày lập luận về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và học tập; phát triển kỹ năng phân tích ưu – nhược điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân. Nội dung tập trung vào từ vựng và ngữ pháp B1; kỹ năng nghe – đọc hiểu và tóm tắt nội dung; kỹ năng nói – viết trình bày bài phát biểu và bài luận phân tích ưu – nhược điểm. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV5.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
11	Anh văn 5 (AV5)	3	Anh văn 5 (AV5) là học phần cuối thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ B1+ theo CEFR (tương đương IELTS 5.0). Học phần giúp người học phân tích các mối quan hệ logic, quan điểm và luận điểm trong văn bản, hội thoại; đồng thời trình bày bài nói, viết báo cáo và bài luận có cấu trúc rõ ràng. Nội dung tập trung vào từ vựng và ngữ pháp B1+; kỹ năng nghe – đọc hiểu và phân tích văn bản; kỹ năng nói – viết trình bày, xử lý tình huống, viết báo cáo và bài luận. Học phần góp phần giúp người học đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh và phục vụ học tập chuyên ngành.
12	Kỹ năng số	2	Học phần trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản trong khai thác, tìm kiếm, đánh giá và quản lý dữ liệu, thông tin trên môi trường số; giao tiếp, hợp tác và làm việc trực tuyến. Người học được thực hành sử dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) để sáng tạo nội dung, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày tài liệu và hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong học tập và công việc. Học phần đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng về an toàn, bảo mật thông tin, quyền riêng tư, bản quyền, đạo đức và ứng xử có trách nhiệm trong môi trường số.
13	Khám phá AI	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về trí tuệ nhân tạo và AI tạo sinh, bao gồm khả năng, giới hạn, tác động và các rủi ro khi sử dụng AI. Người học được thực hành kỹ thuật prompting, kiểm chứng và đánh giá đầu ra AI; ứng dụng các công cụ AI tạo sinh để hỗ trợ học tập, công việc và phát triển các sản phẩm số như văn bản, hình ảnh, video và ứng dụng đơn giản. Học phần đồng thời hình thành năng lực sử dụng AI có trách nhiệm, chú trọng liêm chính học thuật, bản quyền, quyền riêng tư, an toàn dữ liệu và trách nhiệm của người dùng đối với sản phẩm do AI hỗ trợ tạo ra.
14	Tư duy sáng tạo và Khởi nghiệp EdTech	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức và phương pháp về tư duy sáng tạo, tư duy thiết kế và khởi nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ giáo dục. Người học được hướng dẫn xác định vấn đề và nhu cầu của

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			người học, giáo viên, cơ sở giáo dục và doanh nghiệp; sử dụng các kỹ thuật phát triển ý tưởng, thiết kế giải pháp, xây dựng giá trị đề xuất và mô hình kinh doanh cho sản phẩm EdTech. Học phần tổ chức các hoạt động thực hành nghiên cứu người dùng, xây dựng nguyên mẫu, kiểm chứng giải pháp, phân tích thị trường, khách hàng, đối thủ, chi phí và nguồn doanh thu. Người học từng bước phát triển một ý tưởng thành đề án hoặc sản phẩm EdTech khả thi và thực hành trình bày, thuyết phục các bên liên quan về giá trị của giải pháp.
15	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	11	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quan điểm, đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ chủ quyền quốc gia và ứng phó với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống. Nội dung thực hành giúp người học rèn luyện điều lệnh, kỹ thuật và chiến thuật quân sự cơ bản, kỹ năng tổ chức và chấp hành kỷ luật. Qua học phần, người học nâng cao nhận thức về trách nhiệm công dân, ý thức bảo vệ Tổ quốc, tinh thần tập thể, kỷ luật và khả năng ứng phó với một số tình huống quốc phòng – an ninh.
16	Giáo dục thể chất	3	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về sức khỏe, thể lực, nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao. Người học được thực hành kỹ thuật, chiến thuật và luật của một hoặc một số môn thể thao phù hợp; rèn luyện sức bền, sức mạnh, sự linh hoạt và khả năng phối hợp vận động. Học phần hướng dẫn người học xây dựng kế hoạch rèn luyện cá nhân, tự theo dõi tình trạng thể lực, phòng tránh chấn thương và duy trì lối sống vận động lành mạnh. Qua các hoạt động luyện tập cá nhân và tập thể, người học đồng thời phát triển tính kỷ luật, tinh thần hợp tác và ý thức chăm sóc sức khỏe lâu dài.
17	Toán rời rạc	3	Học phần cung cấp nền tảng toán học rời rạc phục vụ tư duy tính toán, lập trình, phân tích dữ liệu và phát triển các hệ thống Công nghệ giáo dục. Nội dung bao gồm logic mệnh đề và logic vị từ; tập hợp, quan hệ và hàm; phương pháp đếm; quy nạp toán học; quan hệ truy hồi; đại số Boole; lý thuyết đồ thị và cây. Người

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			học được thực hành biểu diễn và mô hình hóa các bài toán bằng cấu trúc toán học, xây dựng lập luận logic, chứng minh và lựa chọn phương pháp giải phù hợp. Các nội dung được liên hệ với những bài toán trong Công nghệ giáo dục như tổ chức dữ liệu, xây dựng thuật toán, mô hình hóa quan hệ người học – nội dung, cấu trúc lộ trình học tập và các hệ thống hỗ trợ học tập số.
18	Nhập môn Công nghệ giáo dục	3	Học phần cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về lĩnh vực Công nghệ giáo dục, bao gồm lịch sử hình thành, khái niệm, phạm vi, các nền tảng lý luận và xu hướng phát triển của ngành. Nội dung giới thiệu mối quan hệ giữa giáo dục, khoa học học tập, công nghệ và thiết kế; các mô hình và cách tiếp cận hệ thống trong phân tích, thiết kế, triển khai và đánh giá hoạt động dạy học. Người học được tiếp cận các môi trường học tập số, hệ thống quản lý học tập, học liệu số, AI, dữ liệu giáo dục và một số công nghệ mới trong giáo dục. Học phần đồng thời giới thiệu hệ sinh thái EdTech, quy trình phát triển giải pháp Công nghệ giáo dục, các vấn đề đạo đức và những nhóm vị trí nghề nghiệp của cử nhân Công nghệ giáo dục.
19	Tâm lý học giáo dục	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về các quá trình tâm lý liên quan đến hoạt động dạy và học, làm cơ sở cho việc thiết kế các giải pháp Công nghệ giáo dục phù hợp với đặc điểm người học. Nội dung bao gồm các lý thuyết về phát triển và học tập; nhận thức, chú ý, trí nhớ, tư duy, động cơ và cảm xúc; khác biệt cá nhân; tự điều chỉnh học tập và các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến quá trình học tập. Người học được vận dụng kiến thức tâm lý học để phân tích đặc điểm và nhu cầu của người học, thiết kế hoạt động học tập, lựa chọn hình thức phản hồi, hỗ trợ động lực và cá nhân hóa trải nghiệm học tập. Học phần tạo nền tảng tâm lý – giáo dục cho thiết kế dạy học, E-learning và phát triển sản phẩm EdTech.
20	Khai thác và phân tích dữ liệu	3	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về thu thập, tổ chức, làm sạch, xử lý, phân tích và trực quan hóa dữ liệu phục vụ học tập, nghiên cứu và ra quyết định trong giáo dục. Người học được thực hành với các

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			dạng dữ liệu có cấu trúc; sử dụng công cụ phù hợp để xử lý dữ liệu, thực hiện thống kê mô tả, phân tích so sánh, xác định xu hướng và mối quan hệ giữa các biến. Học phần hướng dẫn xây dựng bảng, biểu đồ, báo cáo và bảng điều khiển dữ liệu nhằm truyền đạt kết quả phân tích một cách trực quan. Các bài tập ưu tiên sử dụng dữ liệu giáo dục và dữ liệu người học, đồng thời chú trọng chất lượng dữ liệu, quyền riêng tư, bảo mật, thiên lệch dữ liệu và nguyên tắc sử dụng dữ liệu có trách nhiệm.
21	Cơ sở lập trình	2	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng nền tảng về tư duy thuật toán và lập trình, tạo cơ sở cho người học tiếp tục học các học phần phát triển ứng dụng và giải pháp Công nghệ giáo dục. Nội dung bao gồm biến và kiểu dữ liệu, toán tử và biểu thức, cấu trúc rẽ nhánh, vòng lặp, hàm, cấu trúc dữ liệu cơ bản, xử lý tệp và ngoại lệ. Người học được thực hành phân tích yêu cầu của bài toán, xây dựng thuật toán, chuyển thuật toán thành chương trình, kiểm thử và gỡ lỗi. Thông qua các bài tập và sản phẩm lập trình nhỏ gắn với xử lý dữ liệu, quản lý thông tin hoặc hỗ trợ học tập, học phần phát triển tư duy logic, tư duy tính toán và khả năng sử dụng lập trình như một công cụ giải quyết vấn đề.
22	Lập trình hướng đối tượng	3	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng lập trình theo mô hình hướng đối tượng, bao gồm lớp và đối tượng, thuộc tính và phương thức, đóng gói, kế thừa, đa hình, trừu tượng hóa, giao diện và xử lý ngoại lệ. Người học được thực hành phân tích bài toán, mô hình hóa các thực thể và mối quan hệ, tổ chức chương trình theo mô-đun và xây dựng các thành phần phần mềm có khả năng tái sử dụng. Các bài tập hướng tới những bài toán quản lý hoặc ứng dụng giáo dục, giúp người học phát triển khả năng thiết kế mã nguồn có cấu trúc, dễ kiểm thử, bảo trì và mở rộng. Học phần tạo nền tảng cho phát triển Web, Apps và các giải pháp EdTech.
23	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	Học phần cung cấp kiến thức về các cấu trúc dữ liệu và thuật toán cơ bản phục vụ tổ chức, lưu trữ và xử lý thông tin hiệu quả. Nội dung bao gồm mảng, danh sách liên kết, ngăn xếp, hàng đợi, bảng băm, cây và đồ

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			thị; các thuật toán tìm kiếm, sắp xếp và duyệt dữ liệu. Người học được hướng dẫn phân tích độ phức tạp thời gian và không gian, so sánh các phương án và lựa chọn cấu trúc dữ liệu, thuật toán phù hợp với yêu cầu bài toán. Thông qua các bài tập lập trình, người học phát triển tư duy thuật toán, khả năng tối ưu giải pháp và vận dụng vào các bài toán dữ liệu, ứng dụng và hệ thống Công nghệ giáo dục.
24	Cơ sở dữ liệu	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về tổ chức, lưu trữ, quản lý và khai thác dữ liệu trong các hệ thống thông tin và hệ thống giáo dục số. Nội dung bao gồm khái niệm về cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu; mô hình thực thể – liên kết; mô hình dữ liệu quan hệ; khóa và ràng buộc toàn vẹn; đại số quan hệ; chuẩn hóa dữ liệu và ngôn ngữ SQL. Người học được thực hành phân tích yêu cầu dữ liệu, thiết kế mô hình dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu và thực hiện các thao tác truy vấn, cập nhật và tổng hợp dữ liệu. Học phần đồng thời giới thiệu giao tác, phân quyền, sao lưu, phục hồi và bảo mật, với các bài toán ứng dụng liên quan đến người học, khóa học, học liệu và hệ thống giáo dục.
25	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cấu trúc, nguyên lý hoạt động của máy tính và vai trò của hệ điều hành trong quản lý tài nguyên. Nội dung bao gồm bộ xử lý, bộ nhớ, thiết bị vào – ra, hệ thống lưu trữ, biểu diễn dữ liệu và chu trình thực hiện lệnh; tiến trình và luồng, lập lịch, quản lý bộ nhớ, hệ thống tệp và quyền truy cập. Người học được thực hành một số thao tác quản trị hệ thống, theo dõi tài nguyên, quản lý tệp và tiến trình, đồng thời tiếp cận các khái niệm về ảo hóa và an toàn hệ thống. Học phần tạo nền tảng kỹ thuật để hiểu, triển khai và vận hành các ứng dụng, nền tảng và hệ thống giáo dục số.
26	Công nghệ dạy h ọc hiện đại	3	Học phần cung cấp kiến thức về các công nghệ, mô hình và xu hướng hiện đại đang được ứng dụng trong dạy học và đào tạo. Nội dung bao gồm học tập trực tuyến và kết hợp, học tập di động, điện toán đám mây, công cụ tương tác, nội dung đa phương tiện, AI, phân tích dữ liệu học tập, thực tế ảo/thực tế tăng cường và

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			các công nghệ mới nổi. Người học được phân tích khả năng và giới hạn của từng công nghệ dưới góc độ sư phạm; lựa chọn công nghệ phù hợp với mục tiêu, nội dung, đặc điểm người học và điều kiện triển khai; đồng thời thiết kế các kịch bản tích hợp công nghệ vào hoạt động dạy học. Học phần chú trọng đánh giá hiệu quả, khả năng tiếp cận, tính công bằng, an toàn và tác động của công nghệ đối với trải nghiệm học tập.
27	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục	3	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản để thiết kế và thực hiện một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục và Công nghệ giáo dục. Nội dung bao gồm xác định vấn đề nghiên cứu; xây dựng câu hỏi, mục tiêu và giả thuyết; tìm kiếm và tổng quan tài liệu; xây dựng khung lý thuyết; lựa chọn thiết kế nghiên cứu định lượng, định tính hoặc hỗn hợp; chọn mẫu và xây dựng công cụ thu thập dữ liệu. Người học được thực hành xây dựng đề cương, thiết kế bảng hỏi hoặc công cụ nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, diễn giải kết quả và viết báo cáo khoa học. Học phần đồng thời chú trọng trích dẫn, quản lý tài liệu tham khảo, liêm chính học thuật, đạo đức nghiên cứu, bảo vệ dữ liệu và sử dụng AI có trách nhiệm trong nghiên cứu.
28	Kỹ năng học tập đại học	3	Học phần trang bị cho người học các phương pháp và chiến lược cần thiết để thích nghi và học tập hiệu quả trong môi trường đại học. Nội dung bao gồm thiết lập mục tiêu, quản lý thời gian, lập kế hoạch học tập, đọc và ghi chép học thuật, tìm kiếm và đánh giá nguồn thông tin, viết và trình bày học thuật, làm việc nhóm và phản tư. Người học được thực hành sử dụng các công cụ số hỗ trợ tổ chức học tập, quản lý nhiệm vụ và cộng tác; xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân và chiến lược tự học. Học phần đồng thời đề cập quản lý căng thẳng, sử dụng các dịch vụ hỗ trợ sinh viên, liêm chính học thuật và hình thành thái độ học tập chủ động, tự chịu trách nhiệm.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
29	Môi trường dạy học số và cá nhân hóa	3	Học phần cung cấp kiến thức về cấu trúc, thành phần và nguyên lý thiết kế môi trường dạy học số nhằm hỗ trợ các hình thức học tập trực tuyến, kết hợp và cá nhân hóa. Nội dung bao gồm hệ thống quản lý học tập, hệ sinh thái công cụ số, mô hình người học, dữ liệu học tập, học tập thích ứng và các phương pháp cá nhân hóa nội dung, hoạt động, lộ trình, phản hồi và đánh giá. Người học được thực hành phân tích nhu cầu và đặc điểm người học, thiết kế môi trường và lộ trình học tập, khai thác dữ liệu để đưa ra các hình thức hỗ trợ phù hợp. Học phần đồng thời xem xét các vấn đề về khả năng tiếp cận, thiết kế toàn diện, công bằng thuật toán, quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu và vai trò của AI trong cá nhân hóa học tập.
30	Thiết kế và phát triển E-learning	3	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng thiết kế, phát triển, triển khai và đánh giá các khóa học hoặc mô-đun E-learning. Người học thực hiện quy trình từ phân tích nhu cầu và đặc điểm người học, xác định chuẩn đầu ra, xây dựng cấu trúc nội dung và chiến lược dạy học đến thiết kế hoạt động, tương tác và đánh giá trực tuyến. Học phần hướng dẫn xây dựng storyboard, phát triển học liệu đa phương tiện, sử dụng công cụ tác giả và hệ thống quản lý học tập để tạo và tổ chức nội dung E-learning. Người học thực hành xây dựng một mô-đun học tập hoàn chỉnh, kiểm thử khả năng sử dụng và trải nghiệm người học; đồng thời tiếp cận các tiêu chuẩn kỹ thuật, khả năng tương thích, khả năng tiếp cận và nguyên tắc bảo đảm chất lượng E-learning.
31	Thiết kế và phát triển chương trình đào tạo số	3	Học phần cung cấp kiến thức và phương pháp thiết kế, phát triển và cải tiến chương trình đào tạo trong môi trường số. Nội dung bao gồm phân tích nhu cầu đào tạo và năng lực, xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, xây dựng cấu trúc chương trình và lộ trình học tập, lựa chọn nội dung, phương pháp, hoạt động và hình thức đánh giá. Người học được thực hành xây dựng ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra, học phần, hoạt động dạy – học và đánh giá; tổ chức chương trình trên nền tảng số và quản trị học liệu. Học phần đồng thời hướng

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			dẫn thu thập phản hồi, sử dụng dữ liệu để đánh giá hiệu quả, cập nhật chương trình và bảo đảm tính linh hoạt, khả năng tiếp cận và chất lượng của chương trình đào tạo số.
32	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng nền tảng về đo lường, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập. Nội dung bao gồm mục đích và các hình thức đánh giá; chuẩn đầu ra và tiêu chí đánh giá; độ giá trị, độ tin cậy, sai số đo lường và tính công bằng. Người học được thực hành xây dựng kế hoạch đánh giá, bảng đặc tả, câu hỏi trắc nghiệm và tự luận, nhiệm vụ thực hành, rubric và các công cụ đánh giá quá trình. Học phần hướng dẫn phân tích kết quả và chất lượng câu hỏi, sử dụng dữ liệu đánh giá để phản hồi và cải tiến dạy học. Đồng thời, người học tiếp cận đánh giá trên môi trường số và việc sử dụng AI trong xây dựng, tổ chức và hỗ trợ đánh giá, cùng các vấn đề về đạo đức, gian lận và công bằng.
33	Phát triển ứng dụng Web, Apps trong giáo dục	3	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản để thiết kế và phát triển các ứng dụng Web hoặc ứng dụng phục vụ giáo dục. Nội dung bao gồm cấu trúc giao diện, trình bày nội dung, xử lý tương tác, kết nối dữ liệu và dịch vụ, quản lý trạng thái và các nguyên tắc triển khai ứng dụng. Người học được thực hành phân tích yêu cầu, xây dựng nguyên mẫu, phát triển một ứng dụng nhỏ gắn với nhu cầu học tập, giảng dạy hoặc quản lý giáo dục. Học phần chú trọng thiết kế đáp ứng trên nhiều thiết bị, khả năng tiếp cận, trải nghiệm người dùng, kiểm thử, xử lý lỗi và bảo mật cơ bản; tạo nền tảng để người học phát triển các sản phẩm và giải pháp EdTech ở mức cao hơn.
34	Phân tích thiết kế hệ thống giáo dục	3	Học phần trang bị phương pháp phân tích và thiết kế các hệ thống thông tin, nền tảng và giải pháp phục vụ giáo dục. Người học được hướng dẫn khảo sát bối cảnh, xác định các bên liên quan, thu thập và phân tích yêu cầu chức năng, phi chức năng; mô hình hóa quy trình nghiệp vụ, dữ liệu, tác nhân và trường hợp sử dụng. Học phần thực hành xây dựng tài liệu đặc tả yêu cầu, mô hình hệ thống, kiến trúc sơ bộ, phương án

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			triển khai và tiêu chí nghiệm thu. Người học đồng thời đánh giá tính khả thi về kỹ thuật, vận hành và người dùng; xem xét khả năng tích hợp, bảo mật, quyền riêng tư và khả năng mở rộng. Kết quả học tập hướng tới năng lực chuyển nhu cầu giáo dục thành yêu cầu và thiết kế hệ thống có thể triển khai.
35	Thiết kế trò chơi và Gamification t rong giáo dục	3	Học phần cung cấp kiến thức về thiết kế trò chơi và vận dụng các yếu tố trò chơi nhằm tăng cường động lực, sự tham gia và trải nghiệm học tập. Nội dung bao gồm lý thuyết động lực, mục tiêu, luật chơi, thử thách, phản hồi, điểm số, huy hiệu, cấp độ, phần thưởng, tiến trình và kể chuyện. Người học được thực hành phân tích mục tiêu học tập và đặc điểm người học, lựa chọn cơ chế trò chơi phù hợp, thiết kế kịch bản, tạo nguyên mẫu và thử nghiệm trò chơi hoặc hệ thống gamification. Học phần hướng dẫn đánh giá mức độ tham gia, trải nghiệm và kết quả học tập, đồng thời xem xét các vấn đề về công bằng, cạnh tranh, phần thưởng, quyền riêng tư và nguy cơ thao túng hành vi.
36	Thiết kế dạy học và truyền thông số	3	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng thiết kế dạy học có hệ thống kết hợp với thiết kế truyền thông số. Người học vận dụng các mô hình thiết kế dạy học để phân tích người học và bối cảnh, xác định mục tiêu, lựa chọn chiến lược, xây dựng hoạt động học tập và phương án đánh giá. Học phần hướng dẫn thiết kế kịch bản, storyboard và phát triển thông điệp giáo dục thông qua văn bản, hình ảnh, đồ họa, âm thanh, video và nội dung tương tác. Người học thực hành áp dụng các nguyên tắc thiết kế đa phương tiện, tải nhận thức, khả năng tiếp cận và trải nghiệm người dùng để xây dựng sản phẩm truyền thông phục vụ dạy học. Sản phẩm được kiểm thử, nhận phản hồi và cải tiến dựa trên mục tiêu sư phạm.
37	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	3	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về lựa chọn, thiết kế và ứng dụng các giải pháp trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy học, học tập, đánh giá và quản lý giáo dục. Người học được thực hành sử dụng AI và AI tạo sinh để thiết kế học liệu, xây dựng hoạt động học tập, hỗ trợ cá nhân hóa, phản hồi người học, xây

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			dựng công cụ đánh giá và khai thác dữ liệu giáo dục. Học phần giới thiệu các ứng dụng như hệ thống gia sư thông minh, chatbot giáo dục, phân tích học tập và hệ thống hỗ trợ ra quyết định. Người học đồng thời được hướng dẫn thiết kế quy trình Human-in-the-loop, kiểm chứng đầu ra AI và đánh giá hiệu quả giải pháp, đặc biệt chú trọng sai lệch thuật toán, minh bạch, quyền riêng tư, bản quyền, liêm chính học thuật và trách nhiệm của con người.
38	Thiết kế giao diện và Trải nghiệm người dùng (Tự chọn)	3	Học phần cung cấp kiến thức và phương pháp thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng cho các sản phẩm số, đặc biệt là sản phẩm Công nghệ giáo dục. Nội dung bao gồm nghiên cứu người dùng, xác định nhu cầu, xây dựng persona và hành trình người dùng, kiến trúc thông tin, luồng tác vụ, wireframe và nguyên mẫu. Người học được thực hành áp dụng các nguyên tắc thiết kế thị giác, thiết kế tương tác, tính nhất quán, khả năng tiếp cận và hệ thống thiết kế. Học phần hướng dẫn tổ chức kiểm thử khả dụng, thu thập dữ liệu và phản hồi của người dùng, phân tích vấn đề và cải tiến thiết kế. Qua đó, người học hình thành năng lực thiết kế sản phẩm EdTech lấy người học và các bên sử dụng làm trung tâm.
39	Công cụ quản lý dự án (Tự chọn)	3	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về quản lý dự án và kỹ năng sử dụng các công cụ số để lập kế hoạch, tổ chức, theo dõi và báo cáo dự án. Nội dung bao gồm vòng đời dự án, phạm vi, cấu trúc phân rã công việc, tiến độ, nguồn lực, chi phí, rủi ro, chất lượng và truyền thông. Người học thực hành sử dụng các công cụ lập lịch, biểu đồ Gantt, Kanban, quản lý nhiệm vụ, tài liệu, trao đổi nhóm và theo dõi chỉ số dự án. Học phần giới thiệu cách vận dụng các phương pháp quản lý truyền thống và linh hoạt trong dự án giáo dục hoặc công nghệ, giúp người học phối hợp nhóm, kiểm soát thay đổi, nhận diện rủi ro và trình bày trạng thái dự án cho các bên liên quan.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
40	Quản trị và Tổ chức hoạt động giáo dục (Tự chọn)	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về quản trị và tổ chức hoạt động trong trường học, trung tâm đào tạo và các tổ chức cung cấp dịch vụ giáo dục. Nội dung bao gồm cơ cấu tổ chức, chức năng quản trị, lập kế hoạch, lãnh đạo, quản trị nhân sự, tài chính, văn hóa tổ chức và vận hành các hoạt động giáo dục. Người học được phân tích chính sách, quy trình, vai trò của các bên liên quan và các tình huống quản trị thực tế; thực hành xây dựng kế hoạch hoạt động, phân bổ nguồn lực và đề xuất giải pháp cải tiến. Học phần đồng thời đề cập quản lý thay đổi, ứng dụng công nghệ trong quản trị, đánh giá hiệu quả và phát triển năng lực phối hợp, ra quyết định trong tổ chức giáo dục.
41	Quản lý dự án phần mềm	3	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng quản lý dự án phát triển phần mềm, đặc biệt đối với các sản phẩm và hệ thống giáo dục số. Nội dung bao gồm các mô hình phát triển phần mềm, quản lý yêu cầu và phạm vi, backlog, ước lượng công việc, lập kế hoạch phiên bản và sprint, quản lý cấu hình, kiểm thử và phát hành. Người học được thực hành tổ chức nhóm dự án, phân công nhiệm vụ, theo dõi tiến độ và chất lượng, quản lý rủi ro và thay đổi bằng các công cụ phù hợp. Học phần chú trọng giao tiếp giữa nhóm kỹ thuật, khách hàng và các bên liên quan; quản lý minh chứng, tài liệu và tiêu chí nghiệm thu, qua đó hình thành năng lực điều phối dự án phần mềm EdTech từ yêu cầu đến bàn giao.
42	Phân tích, đánh giá hiệu năng hệ thống	3	Học phần cung cấp kiến thức và phương pháp đánh giá hiệu năng, khả năng mở rộng và độ tin cậy của các hệ thống phần mềm và nền tảng số. Nội dung bao gồm tải hệ thống, độ trễ, thông lượng, sử dụng tài nguyên, khả năng mở rộng, độ sẵn sàng và độ tin cậy. Người học được thực hành xây dựng kịch bản đo kiểm và benchmark, thu thập chỉ số, phân tích nhật ký và dữ liệu giám sát để xác định nút thắt. Học phần hướng dẫn đánh giá hiệu năng ứng dụng, cơ sở dữ liệu và hạ tầng, đề xuất phương án tối ưu và lập kế hoạch năng lực.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			Các tình huống có thể gắn với LMS hoặc hệ thống giáo dục số có số lượng người dùng và tải truy cập thay đổi theo thời gian.
43	Quản lý và ứng dụng công cụ trong lớp học	4	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng lựa chọn, triển khai, quản lý và đánh giá các công cụ số phục vụ tổ chức dạy học trong lớp học trực tiếp, trực tuyến và kết hợp. Nội dung bao gồm thiết bị số, LMS, nền tảng cộng tác, công cụ tạo nội dung, tương tác và đánh giá. Người học được thực hành xây dựng kế hoạch tích hợp công nghệ theo mục tiêu dạy học, cấu hình và quản lý công cụ, tổ chức tương tác, quản lý hành vi số và hỗ trợ người sử dụng. Học phần đồng thời hướng dẫn xử lý các sự cố phổ biến, quản lý tài khoản và dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư, bảo đảm khả năng tiếp cận và đánh giá mức độ phù hợp, hiệu quả của công nghệ trong bối cảnh lớp học.
44	Giáo dục thông m inh	3	Học phần cung cấp kiến thức về mô hình, kiến trúc và các thành phần của hệ sinh thái giáo dục thông minh dựa trên sự tích hợp giữa công nghệ số, dữ liệu và các phương pháp giáo dục hiện đại. Nội dung bao gồm lớp học thông minh, khuôn viên thông minh, hệ thống học tập thông minh, IoT, AI, điện toán đám mây, dữ liệu lớn và các hệ thống hỗ trợ ra quyết định. Người học được phân tích nhu cầu, mô hình hóa các thành phần và luồng dữ liệu, thiết kế kịch bản ứng dụng công nghệ cho một lớp học, cơ sở giáo dục hoặc hệ thống đào tạo. Học phần đồng thời chú trọng khả năng tích hợp hệ thống, quản trị và bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin, khả năng tiếp cận, công bằng và phương pháp đánh giá hiệu quả cũng như tác động của các giải pháp giáo dục thông minh.
45	Truyền thông và tương tác trong giáo dục	3	Học phần cung cấp kiến thức về các mô hình, nguyên tắc và phương thức truyền thông, tương tác trong hoạt động giáo dục. Nội dung xem xét tương tác giữa giảng viên và người học, giữa người học với nhau, giữa người học với nội dung và cộng đồng trong môi trường trực tiếp, trực tuyến và kết hợp. Người học được

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			thực hành thiết kế thông điệp, đặt câu hỏi, điều phối thảo luận, cung cấp phản hồi, tổ chức hoạt động cộng tác và xây dựng hiện diện xã hội. Học phần đồng thời phát triển kỹ năng lắng nghe, giao tiếp đa kênh, xử lý xung đột và xây dựng cộng đồng học tập; chú trọng văn hóa giao tiếp, đạo đức và ứng xử phù hợp trong môi trường giáo dục số.
46	Kiến tập	2	Học phần tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận sớm với môi trường nghề nghiệp thực tế tại cơ sở giáo dục, doanh nghiệp EdTech, trung tâm đào tạo hoặc đơn vị có ứng dụng Công nghệ giáo dục. Sinh viên quan sát và tìm hiểu cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quy trình làm việc, sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và văn hóa của đơn vị. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ tại đơn vị, sinh viên thực hiện các nhiệm vụ quan sát có mục tiêu, trao đổi với người làm nghề, ghi nhật ký và thu thập thông tin phục vụ báo cáo. Học phần giúp sinh viên liên hệ kiến thức đã học với thực tiễn, nhận diện các vị trí việc làm và định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp.
47	Thực tập	4	Học phần tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã học vào môi trường nghề nghiệp thực tế tại cơ sở giáo dục, doanh nghiệp EdTech hoặc đơn vị đào tạo. Sinh viên tham gia công việc hoặc dự án liên quan đến thiết kế học liệu, phát triển sản phẩm, triển khai và vận hành hệ thống, phân tích dữ liệu hoặc tổ chức hoạt động đào tạo phù hợp với vị trí thực tập. Sinh viên xây dựng kế hoạch thực tập, tuân thủ quy trình và kỷ luật nghề nghiệp, giao tiếp với các bên liên quan, giải quyết nhiệm vụ được giao và thu thập minh chứng. Kết quả học phần được thể hiện qua hồ sơ, sản phẩm, nhận xét của đơn vị và báo cáo kết quả thực tập.
48	Khóa luận tốt nghiệp	8	Học phần là giai đoạn tổng hợp cuối chương trình, trong đó sinh viên thực hiện độc lập một nghiên cứu khoa học hoặc dự án ứng dụng trong lĩnh vực Công nghệ giáo dục dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			viên xác định vấn đề, tổng quan tài liệu, xây dựng câu hỏi và phương pháp nghiên cứu hoặc phương án thiết kế giải pháp; thu thập và phân tích bằng chứng; phát triển, thử nghiệm và đánh giá sản phẩm khi phù hợp. Học phần yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức liên ngành về giáo dục, công nghệ, dữ liệu, thiết kế và nghiên cứu; tuân thủ đạo đức, bản quyền và liêm chính học thuật. Kết quả được trình bày thành khóa luận hoặc hồ sơ dự án và bảo vệ trước hội đồng.
49	Nghiên cứu giáo dục trong hệ sinh thái số	4	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng nghiên cứu các hiện tượng dạy học, hành vi và trải nghiệm người học trong các môi trường trực tuyến, kết hợp và có sự tham gia của AI. Người học tiếp cận các nguồn dữ liệu như khảo sát, phỏng vấn, quan sát, sản phẩm học tập và dấu vết số; lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp với câu hỏi và bối cảnh. Học phần thực hành thiết kế nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu thiết kế, phân tích học tập hoặc các cách tiếp cận định lượng, định tính và hỗn hợp. Người học được hướng dẫn xử lý và diễn giải dữ liệu, trình bày bằng chứng, đánh giá giới hạn nghiên cứu; đặc biệt chú trọng đạo đức nghiên cứu số, sự đồng thuận, quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu và khả năng tái lập.
50	Dự án: Ứng dụng công nghệ vào giáo dục	4	Học phần được tổ chức theo hình thức dự án nhóm nhằm giải quyết một vấn đề giáo dục thực tế thông qua việc lựa chọn và ứng dụng công nghệ phù hợp. Sinh viên khảo sát bối cảnh và nhu cầu của người dùng, xác định vấn đề, đề xuất giải pháp, đồng thiết kế với các bên liên quan và xây dựng nguyên mẫu. Nhóm thực hiện kế hoạch dự án, phân công nhiệm vụ, lựa chọn công cụ và phát triển sản phẩm hoặc kịch bản ứng dụng; sau đó tổ chức thử nghiệm với người dùng. Sinh viên thu thập phản hồi và dữ liệu để đánh giá khả năng sử dụng, mức độ chấp nhận, kết quả học tập hoặc hiệu quả của giải pháp; hoàn thiện sản phẩm, tài liệu hóa quá trình và trình bày, bảo vệ kết quả trước các bên liên quan.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
51	Phát triển ứng dụng và giải pháp Edtect	4	Học phần trang bị và tích hợp các năng lực cần thiết để phát triển một ứng dụng hoặc giải pháp EdTech từ yêu cầu đến triển khai. Sinh viên thực hiện phân tích nhu cầu và yêu cầu người dùng, thiết kế kiến trúc, dữ liệu và giao diện, lựa chọn công nghệ, lập trình hoặc cấu hình giải pháp, kiểm thử và triển khai. Học phần nhấn mạnh sự tích hợp giữa mục tiêu sư phạm, nội dung học tập và chức năng công nghệ; đồng thời chú trọng trải nghiệm người dùng, khả năng tiếp cận, bảo mật, khả năng mở rộng và chất lượng phần mềm. Sinh viên thực hành quản lý phiên bản, tài liệu hóa, xử lý phản hồi và theo dõi hiệu quả sản phẩm, từ đó hình thành năng lực phát triển giải pháp EdTech theo vòng đời sản phẩm.
52	Truyền thông và quản lý ICT tích hợp	3	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng xây dựng, triển khai và quản lý chiến lược ICT tích hợp trong tổ chức giáo dục. Nội dung bao gồm tích hợp hạ tầng, nền tảng, nội dung, dữ liệu và các kênh truyền thông; quản trị tài khoản, quyền truy cập, thiết bị và dịch vụ số. Người học được phân tích nhu cầu tổ chức, khả năng tương tác giữa các hệ thống, xây dựng kế hoạch ứng dụng ICT và truyền thông triển khai, hỗ trợ người dùng và quản lý thay đổi. Học phần đồng thời đề cập an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu, tiêu chuẩn và chính sách sử dụng công nghệ; hướng dẫn thu thập phản hồi, đánh giá mức độ chấp nhận và hiệu quả sử dụng ICT trong hoạt động dạy học và quản trị giáo dục.
53	Dự án Thực tế ảo (VR/ AR) và đồ hoạ	3	Học phần tổ chức theo hình thức dự án nhằm thiết kế và phát triển một trải nghiệm học tập sử dụng công nghệ thực tế ảo hoặc thực tế tăng cường. Sinh viên phân tích mục tiêu học tập và đặc điểm người dùng, xây dựng kịch bản sư phạm, thiết kế không gian, đối tượng đồ họa 2D/3D, âm thanh và cơ chế tương tác. Người học sử dụng các công cụ phù hợp để tạo tài sản số, tích hợp nội dung và phát triển nguyên mẫu VR/AR. Dự án được kiểm thử về khả năng sử dụng, hiệu năng, tính tương thích và an toàn người dùng; đồng thời đánh

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			giá mức độ hiện diện, tham gia và hiệu quả học tập. Sinh viên hoàn thiện sản phẩm, tài liệu kỹ thuật và trình bày kết quả dự án.
54	Nghiên cứu và phát triển giải pháp số trong giáo dục	4	Học phần trang bị phương pháp nghiên cứu và phát triển (R&D) để hình thành, thử nghiệm và hoàn thiện các giải pháp số phục vụ giáo dục. Người học khảo sát xu hướng công nghệ và nhu cầu thực tiễn, xác định vấn đề và câu hỏi R&D, tổng hợp bằng chứng, đề xuất giải pháp và xây dựng nguyên mẫu. Học phần hướng dẫn thiết kế thử nghiệm, thu thập và phân tích dữ liệu để so sánh phương án, đánh giá hiệu quả, tính khả thi, chi phí, rủi ro và tác động. Sinh viên thực hành cải tiến giải pháp qua nhiều vòng phản hồi, tài liệu hóa kết quả nghiên cứu và sản phẩm. Nội dung đồng thời đề cập sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, khả năng mở rộng và định hướng thương mại hóa các giải pháp giáo dục số.
55	Dự án: Thiết kế và phát triển công nghệ giáo dục	4	Học phần là dự án tích hợp, trong đó sinh viên vận dụng kiến thức về thiết kế dạy học, phát triển phần mềm hoặc truyền thông số, dữ liệu và quản lý dự án để tạo một sản phẩm Công nghệ giáo dục tương đối hoàn chỉnh. Nhóm sinh viên xác định vấn đề và người dùng mục tiêu, phân tích yêu cầu, đề xuất giải pháp, lập kế hoạch, xây dựng nguyên mẫu và phát triển sản phẩm. Quá trình dự án bao gồm quản lý yêu cầu, tiến độ, nguồn lực, chất lượng và rủi ro; tổ chức kiểm thử với người dùng và thu thập dữ liệu đánh giá. Sinh viên cải tiến giải pháp dựa trên bằng chứng, hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật và sư phạm, đồng thời trình bày và bảo vệ sản phẩm trước hội đồng hoặc các bên liên quan.
56	Quản trị công nghệ giáo dục	4	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng quản trị công nghệ ở cấp tổ chức giáo dục, tập trung vào việc lập kế hoạch, triển khai, vận hành và đánh giá danh mục công nghệ phục vụ dạy học và quản lý. Nội dung bao gồm xây dựng chiến lược và lộ trình công nghệ; quản trị hạ tầng, nền tảng, dữ liệu, ngân sách, nhà cung cấp và nhân lực; xây dựng chính sách và tiêu chuẩn sử dụng. Người học được thực hành phân tích hiện trạng,

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			lựa chọn giải pháp, xây dựng kế hoạch triển khai, quản lý rủi ro và thay đổi, tổ chức hỗ trợ người dùng và đánh giá hiệu quả đầu tư. Học phần đồng thời chú trọng an toàn thông tin, đạo đức, quyền riêng tư, khả năng tiếp cận và tính bền vững của hệ sinh thái Công nghệ giáo dục.
57	Giải pháp doanh nghiệp và marketing giáo dục	3	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng phân tích, xây dựng và tiếp thị các giải pháp giáo dục và EdTech theo hướng đáp ứng nhu cầu của cá nhân và tổ chức. Nội dung bao gồm nghiên cứu thị trường, phân khúc khách hàng, xác định nhu cầu, xây dựng giá trị đề xuất và mô hình cung cấp giải pháp B2B/B2C. Người học được thực hành xây dựng chiến lược sản phẩm, định giá, bán hàng, quan hệ đối tác, truyền thông đa kênh và quản trị quan hệ khách hàng. Học phần hướng dẫn thiết kế kế hoạch marketing, xác định chỉ số và sử dụng dữ liệu để đánh giá hiệu quả chiến dịch; đồng thời chú trọng tính minh bạch, bảo vệ dữ liệu khách hàng, đạo đức truyền thông và trách nhiệm xã hội trong marketing giáo dục.
58	Giám sát và đảm bảo chất lượng giáo dục	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về hệ thống bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số hiệu suất và chu trình cải tiến liên tục trong giáo dục. Người học được hướng dẫn xây dựng kế hoạch giám sát, xác định chỉ báo, thu thập và phân tích minh chứng, đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu của khóa học, chương trình, dịch vụ hoặc nền tảng số. Học phần thực hành xây dựng công cụ phản hồi, báo cáo chất lượng, nhận diện rủi ro, phân tích nguyên nhân và đề xuất hành động cải tiến. Nội dung đồng thời chú trọng quản lý dữ liệu minh chứng, theo dõi việc thực hiện khuyến nghị, vai trò của các bên liên quan và việc sử dụng dữ liệu, công nghệ để hỗ trợ ra quyết định và văn hóa chất lượng.
59	Nghiên cứu hệ thống quản lý giáo dục số	4	Học phần cung cấp kiến thức và phương pháp phân tích, nghiên cứu các hệ thống quản lý phục vụ hoạt động giáo dục như LMS, hệ thống quản lý nhà trường, quản lý sinh viên và các nền tảng dữ liệu giáo dục. Nội dung tập trung vào kiến trúc hệ thống, quy trình nghiệp vụ, mô hình và luồng dữ liệu, chức năng, vai trò

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			người dùng và khả năng tích hợp. Người học được thực hành khảo sát yêu cầu, phân tích hệ thống hiện có, đánh giá quản trị dữ liệu, phân quyền, bảo mật, báo cáo và trải nghiệm người dùng. Học phần hướng dẫn sử dụng tiêu chí và dữ liệu để đánh giá hiệu quả quản lý, xác định hạn chế và đề xuất phương án cải tiến hoặc tích hợp hệ thống phù hợp với nhu cầu chuyển đổi số của tổ chức giáo dục.
60	Dự án: Phát triển hệ thống giáo dục số	4	Học phần là dự án tổng hợp nhằm thiết kế, xây dựng, cấu hình hoặc nâng cấp một hệ thống giáo dục số dựa trên nhu cầu thực tế của tổ chức. Sinh viên thực hiện khảo sát hiện trạng và bên liên quan, thu thập và đặc tả yêu cầu, thiết kế kiến trúc, dữ liệu và quy trình, lựa chọn giải pháp công nghệ và lập kế hoạch triển khai. Nhóm thực hiện phát triển hoặc cấu hình hệ thống, tích hợp dữ liệu, kiểm thử chức năng, hiệu năng và bảo mật, chuẩn bị tài liệu và tổ chức triển khai thử nghiệm. Dự án đồng thời yêu cầu kế hoạch đào tạo người dùng, hỗ trợ vận hành và quản lý thay đổi. Sinh viên thu thập dữ liệu sau triển khai, đánh giá kết quả vận hành, hoàn thiện hệ thống và bảo vệ giải pháp.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

DUYỆT	
Q. HIỆU TRƯỞNG	**TRƯỞNG KHOA**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	
PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương	**PGS.TS. Vũ Kim Bảng**